

Số: 06/TB-UBND

Tân Lập, ngày 08 tháng 01 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Về việc niêm yết công khai thu, chi ngân sách**  
**phường Tân Lập năm 2023**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND Phường Tân Lập Thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2023 như sau:

1. Nội dung niêm yết công khai:

- Bảng cân đối thu chi ngân sách quý 4 năm 2023 (Biểu số 113)
- Biểu ước thực hiện thu ngân sách quý 4 năm 2023 (Biểu số 114)
- Biểu ước thực hiện chi ngân sách quý 4 năm 2023 (Biểu số 115)

**Hình thức công khai**

- Niêm yết công khai tại trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường;
- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của phường;

**2. Thời gian công khai:** 30 ngày liên tục kể từ ngày 08/01/2024 đến hết ngày 08/02/2024.

Trong thời gian niêm yết các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội và các cá nhân có ý kiến phản ánh bằng văn bản gửi về văn phòng UBND phường Tân Lập.

Vậy UBND phường Tân Lập thông báo tới toàn thể nhân dân được biết, đến tại trụ sở UBND phường để xem niêm yết công khai thu chi ngân sách năm 2023 theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- MTTQ và các tổ chức chính trị phường;
- Trụ sở UBND phường;
- Tổ trưởng các TDP phường;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Thuận

*Tân Lập, ngày 09 tháng 01 năm 2024*

**THUYẾT MINH**  
**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách**  
**Phường Tân năm 2023**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;*

*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của HĐND phường Tân Lập về việc thông qua dự toán thu - chi ngân sách phường Tân Lập năm 2023.*

UBND phường thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2023 như sau:

**1. Tình hình thực hiện thu ngân sách năm 2023:**

Tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt: 14.316.898.617 đồng /11.625.000.000 đồng bằng 123,2 % kế hoạch. Trong đó có một số chỉ tiêu đạt kết quả cao phí lệ phí, thu khác, thuế trước bạ, thuế PNN, GTGT...

Tổng thu ngân sách phường ước đạt 1.521.414.593 đồng/1.217.300.000.000 đồng bằng 125% kế hoạch.

**2. Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách năm 2023:**

Tổng chi thường xuyên ngân sách đạt 1.676.663.648 đồng/5.754.262.000 đồng 29,14 % dự toán.

**3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2023:**

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2023 UBND phường đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2023 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm tiếp theo của năm.

Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.



Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong năm 2023 công tác tài chính - Ngân sách của phường còn gặp phải một số khó khăn như: Nhận thức của người dân về việc tự kê khai và kê khai nghĩa vụ nộp thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh chưa cao như thuế vận tải, thuế xây dựng ...

Trong năm 2023, UBND phường thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán được giao ngay từ đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước, bổ sung kịp thời các khoản bổ sung có mục tiêu để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng, đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

**KÊ TOÁN**



**Nguyễn Thị Chung Thủy**

**CHỦ TỊCH UBND**



**Nguyễn Hồng Thuận**





## CÁN ĐỘI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Năm 2023

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	11.935.381.752	12.239.496.344	103
1.	Các khoản thu 100%	60.000.000	259.233.000	432,1
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.157.300.000	1.262.181.592	109,1
3.	Thu chuyển nguồn	4.397.695.044	4.397.695.044	100
	THụ kết dư ngân sách	1.526.966.108	1.526.966.108	100
4	Thu tiền bồi thường GPMB	190.352.400	190.352.400	100
5	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.603.068.200	4.603.068.200	100
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.464.618.000	4.464.618.000	100
	- Bổ sung có mục tiêu	138.450.200	138.450.200	100
II.	Tổng số chi	7.105.288.898	2.999.022.448	42,2
1.	Chi đầu tư phát triển	980.594.898	951.926.800	97,1
2.	Chi thường xuyên	5.641.723.000	1.676.663.648	29,7
3.	Dự phòng	112.539.000		-
4	Chi chuyển nguồn	370.432.000	370.432.000	100



## QUỐC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Năm 2023

DVT: Đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A		2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>11.625.000.000</b>	<b>5.681.918.000</b>	<b>24.844.627.968</b>	<b>12.239.496.344</b>	<b>213,72</b>	<b>215,41</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>	<b>391.110.400</b>	<b>377.685.400</b>	<b>651,85</b>	<b>629,48</b>
- Phí, lệ phí	50.000.000	50.000.000	51.785.000	51.785.000	103,57	103,57
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu tiền bồi thường đất KDC số 2			190.352.400	190.352.400		
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	10.000.000	10.000.000	148.973.000	135.548.000	1.489,73	1.355,48
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>11.565.000.000</b>	<b>1.157.300.000</b>	<b>13.925.788.217</b>	<b>1.334.081.593</b>	<b>120,41</b>	<b>115,28</b>
<b>1. Các khoản thu phân chia</b>	<b>3.650.000.000</b>	<b>429.800.000</b>	<b>7.145.781.711</b>	<b>771.747.704</b>	<b>195,77</b>	<b>179,56</b>
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	350.000.000	35.000.000	591.406.582	59.140.861	168,97	168,97
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	0					
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	72.000.000	72.000.000	71.900.000	71.900.000	99,86	99,86
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.974.000.000	197.400.000	4.622.840.318	462.284.079	234,19	234,19
- Thuế giá trị gia tăng	1.254.000.000	125.400.000	1.859.634.811	178.422.764	148,30	142,28
<b>2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</b>	<b>7.915.000.000</b>	<b>727.500.000</b>	<b>6.780.006.506</b>	<b>562.333.889</b>	<b>85,66</b>	<b>77,30</b>
- Thuế TNDN	640.000.000		16.298.850		2,55	
- Thuế thu nhập đất	7.275.000.000	727.500.000	5.857.644.330	562.333.889	80,52	77,30
- Thuế TNCN hộ			891.525.332			
- Tiền nộp chậm thuế			14.537.994			
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>			<b>4.397.695.044</b>	<b>4.397.695.044</b>		
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			<b>1.526.966.107</b>	<b>1.526.966.107</b>		
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>		<b>4.464.618.000</b>	<b>4.603.068.200</b>	<b>4.603.068.200</b>		<b>103,10</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách		4.464.618.000	4.464.618.000	4.464.618.000		100,00
- Bổ sung có mục tiêu		0	138.450.200	138.450.200		



**ỨC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ**

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Tổng chi ngân sách xã</b>	6.734.856.898	980.594.898	5.754.262.000	6.111.688.928	695.770.000	5.415.918.928	90,75	70,95	94,12
<b>A. Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc</b>	6.734.856.898	980.594.898	5.754.262.000	6.111.688.928	695.770.000	5.415.918.928	90,75	70,95	94,12
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	980.594.898	980.594.898		695.770.000	695.770.000		70,95	70,95	
1. Chi đầu tư XDCB	980.594.898	980.594.898		695.770.000	695.770.000		70,95	70,95	
2. Chi đầu tư phát triển khác									
<b>II. Chi thường xuyên</b>	5.754.262.000		5.754.262.000	5.415.918.928		5.415.918.928	94,12		94,12
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.093.575.000		1.093.575.000	862.560.622		862.560.622	78,88		78,88
- Chi dân quân tự vệ	779.575.000		779.575.000	561.445.822		561.445.822	72,02		72,02
- Chi trật tự an toàn xã hội	314.000.000		314.000.000	301.114.800		301.114.800	95,9		95,9
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	169.000.000		169.000.000	123.933.000		123.933.000	73,33		73,33
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	12.700.000		12.700.000	50,8		50,8
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	35.000.000		35.000.000						
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác	35.000.000		35.000.000						
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.246.240.000		4.246.240.000	4.390.270.306		4.390.270.306	103,39		103,39
Trong đó: Quỹ lương				3.807.576.747		3.807.576.747			
10.1. Quản lý Nhà nước	1.790.370.000		1.790.370.000	2.667.635.067		2.667.635.067	149		149
10.2. Hội đồng nhân dân	380.000.000		380.000.000	267.635.271		267.635.271	70,43		70,43
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	600.000.000		600.000.000	676.454.316		676.454.316	112,74		112,74

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	600.000.000		600.000.000	313.507.397		313.507.397	52,25		52,25
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	300.000.000		300.000.000	98.011.701		98.011.701	32,67		32,67
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	200.000.000		200.000.000	112.554.940		112.554.940	56,28		56,28
10.7. Hội Cựu chiến binh	100.000.000		100.000.000	56.406.300		56.406.300	56,41		56,41
10.8. Hội Nông dân	143.500.000		143.500.000	73.726.514		73.726.514	51,38		51,38
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	9.892.000		9.892.000	2.700.000		2.700.000	27,29		27,29
10.10. Hội Người cao tuổi	33.000.000		33.000.000	29.780.400		29.780.400	90,24		90,24
10.11. Hội khuyến học	17.766.000		17.766.000	17.766.000		17.766.000	100		100
10.12. Hội đặc thù	71.712.000		71.712.000	74.092.400		74.092.400	103,32		103,32
11. Chi cho công tác xã hội	72.908.000		72.908.000	26.455.000		26.455.000	36,29		36,29
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Đội XH tình nguyện	36.000.000		36.000.000	26.455.000		26.455.000	73,49		73,49
- Khác	36.908.000		36.908.000						
12. Chi khác									
13. Dự phòng	112.539.000		112.539.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Ngày 08 tháng 1 năm 2024